

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ, Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) bao gồm: đối tượng, danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; đối tượng, hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong Công an nhân dân; Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Việc xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện công khai, từ cơ sở trở lên, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng, tỉ lệ quy định.

3. Khen thưởng đảm bảo chính xác, chú trọng đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở, cá nhân trực tiếp công tác, chiến đấu.

Điều 4. Những trường hợp cụ thể được xem xét tặng danh hiệu thi đua

1. Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước; những trường hợp bị thương khi làm nhiệm vụ cần phải nghỉ việc để điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế.

2. Những trường hợp đi học, bồi dưỡng:

a) Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 1 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua.

b) Các trường hợp đi học từ 1 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Những trường hợp chuyển đơn vị công tác:

Cá nhân chuyển đơn vị công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp thời gian công tác tại đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

Điều 5. Những trường hợp không xét, chưa xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Những trường hợp không xét tặng danh hiệu thi đua:

a) Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua.

b) Các tập thể trong đơn vị trực thuộc cơ sở.

c) Đơn vị mới thành lập tính đến thời điểm tổng kết xét thi đua năm chưa đủ 12 tháng hoạt động.

d) Cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng hoặc trong năm nghỉ quá 40 ngày làm việc (trừ những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này).

2. Những trường hợp không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

Tập thể, cá nhân bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật.

3. Những trường hợp chưa xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

Tập thể, cá nhân có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc có báo chí đưa tin về những sai phạm, tiêu cực chưa được kết luận; đang bị xem xét xử lý kỷ luật, đang bị xem xét xử lý theo pháp luật.

Sau khi có kết luận không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, xử lý theo pháp luật thì được xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng theo quy định.

4. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, công đoàn, hội nghề nghiệp trong Công an nhân dân không xét tặng danh hiệu thi đua hàng năm theo quy định của Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên phạm vi toàn quốc. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình từng giai đoạn, Bộ trưởng Bộ Công an phát động phong trào thi đua theo các chuyên đề cụ thể về bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Thủ trưởng Công an các cấp, các đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để tổ chức phát động thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong phạm vi quản lý; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phát động thi đua, xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, các phong trào thi đua theo chuyên đề bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban nhân dân, Công an cấp trên và đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị.

b) Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Công an đơn vị, địa phương; gắn với lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu và các phong trào thi đua khác.

c) Động viên, khích lệ cán bộ, chiến sỹ và quần chúng nhân dân tự giác, hăng hái thi đua thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

d) Đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

đ) Phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong phong trào thi đua.

e) Giám sát việc thực hiện và đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phong trào thi đua do cấp trên phát động, có kế hoạch xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, chỉ tiêu, khẩu hiệu và biện pháp tổ chức thực hiện phong trào thi đua thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân là cơ quan thường trực giúp Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an và Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Cơ quan tư vấn của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ:

Các tổng cục và các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là cơ quan tư vấn của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ có trách nhiệm theo dõi, quản lý lĩnh vực công tác nào thì có nhận xét và cho điểm lĩnh vực công tác đó đối với Công an các địa phương, phục vụ việc xét danh hiệu thi đua hàng năm; tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá đối với các trường hợp đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương Sao vàng trước khi báo cáo Hội đồng xét duyệt.

3. Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

a) Tham mưu, giúp Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức, hướng dẫn thực hiện phong trào thi đua đối với lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

b) Phối hợp với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đề xuất khen thưởng đối với Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

4. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng Công an các cấp:

a) Tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng và thủ trưởng đơn vị về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua.

b) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện.

c) Tham mưu sơ kết, tổng kết, thông báo kết quả các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

5. Các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ khi hướng dẫn khen thưởng thực hiện chuyên đề, khen thưởng nhân kỷ niệm thành lập lực lượng, đơn vị phải thống nhất với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Phần II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mục I
ĐỐI TƯỢNG, DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Đối tượng xét tặng danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, học viên các trường Công an nhân dân;

b) Công nhân Công an; lao động hợp đồng từ 1 năm trở lên (cấp nào có thẩm quyền ký hợp đồng lao động thì cấp đó có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua).

2. Đối với tập thể

a) Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động, các Vụ, Cục, Viện, đơn vị tương đương, các Học viện, nhà trường trực thuộc Bộ hoặc trực thuộc tổng cục; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi chung là đơn vị cấp Cục, Công an địa phương).

b) Các phòng, ban, trung đoàn, trại giam và đơn vị tương đương; Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các doanh nghiệp trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là đơn vị cơ sở).

c) Công an phường, thị trấn (nơi có bố trí lực lượng Công an chính quy), đồn Công an, phân trại giam, tiểu đoàn, đại đội độc lập trực thuộc trung đoàn, đội công tác và đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là đơn vị trực thuộc cơ sở).

Đối với đội công tác và đơn vị tương đương phải đảm bảo các tiêu chí sau đây mới thuộc diện tập thể được xét tặng danh hiệu thi đua hàng năm: được thành lập theo quy định của Bộ; có chi bộ độc lập; trực thuộc Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc trực thuộc phòng có quy mô lớn, có thành lập đảng bộ.

Điều 9. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân

a) Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, hoặc “Lao động tiên tiến”;

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

đ) Danh hiệu “Học viên ưu tú”, “Học viên xuất sắc”, “Học viên tiên tiến” hàng năm và toàn khoá (có quy định riêng).

2. Đối với tập thể

- a) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, hoặc “Tập thể lao động tiên tiến”.
- b) Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”.
- c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an”.
- d) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (căn cứ vào chỉ tiêu, định mức, yêu cầu của đơn vị), đạt năng suất và chất lượng cao;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ nghiêm kỷ luật, điều lệnh nội vụ; đảm bảo ngày công, thực hiện đúng các quy trình và chế độ công tác, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tham gia học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ nghiêm túc; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

- Phải đạt được từ 80% trở lên số phiếu tín nhiệm ở đơn vị cơ sở và của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an địa phương.

- Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến” tối đa không quá 80% tổng số cá nhân đủ điều kiện được tham gia bình xét danh hiệu thi đua của đơn vị cấp Cục, Công an địa phương.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Được lựa chọn trong số những cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”;

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; có sáng kiến, cải tiến hoặc áp dụng biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ có hiệu quả trong công tác; mưu trí, sáng tạo, dũng cảm trong chiến đấu; cụ thể là: trong công tác, chiến đấu cá nhân đó phải được tặng Giấy khen của đơn vị cấp Cục, Công an địa phương trở lên về thành tích đột xuất hoặc các đợt thi đua ngắn trong năm; trong nghiên cứu khoa học là Chủ nhiệm hoặc Thư ký đề tài, hoàn thành đúng tiến độ, được nghiệm thu đạt loại khá trở lên;

- gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức tổ chức kỷ luật; gương mẫu thực hiện các chế độ công tác và điều lệnh nội vụ Công an nhân dân, nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ, đi đầu trong việc tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, kỹ thuật nghiệp vụ;

- Phải đạt được từ 80% trở lên số phiếu tín nhiệm ở đơn vị cơ sở và của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng đơn vị cấp Cục, Công an địa phương.

- Số lượng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tối đa không quá 10% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an địa phương.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có phạm vi ảnh hưởng rộng đối với toàn lực lượng Công an nhân dân, được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ xác nhận; hoặc trong công tác, chiến đấu mưu trí, dũng cảm được tặng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên về thành tích đột xuất; hoặc có 3 Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đột xuất (trong đó có ít nhất 1 Bằng khen của Bộ Công an).

- Phải được từ 80% trở lên số phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công an đề nghị.

- Số lượng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” tối đa không quá 0,5% trong tổng quân số của đơn vị cấp Cục, Công an địa phương.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Được lựa chọn trong số những cá nhân có 2 lần liên tục trước thời điểm đề nghị đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc, được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ xác nhận; hoặc trong công tác, chiến đấu mưu trí, dũng cảm được tặng thưởng Huân chương Chiến công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc trở lên về thành tích đột xuất; hoặc được tặng 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên về thành tích đột xuất;

- Phải được từ 90% trở lên số phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công an tín nhiệm đề nghị.

2. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp

Đối với lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp ngoài các tiêu chuẩn quy định cho cá nhân nêu trên còn phải căn cứ vào kết quả thi đua của đơn vị, địa phương do đồng chí đó trực tiếp lãnh đạo, phụ trách để xét danh hiệu thi đua, cụ thể như sau:

a) Đối với lãnh đạo cấp tổng cục:

- Các đơn vị cấp Cục do đồng chí phụ trách, trong tổng kết phong trào thi đua vì an ninh Tổ quốc hàng năm, được tặng Bằng khen của Bộ trở lên, trong đó ít nhất có 1 đơn vị được tặng Cờ thi đua của Bộ;

- Số lượng lãnh đạo Tổng cục được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tối đa không quá 50% tổng số lãnh đạo của mỗi tổng cục.

b) Đối với lãnh đạo đơn vị cấp Cục, Công an địa phương:

- Đơn vị được tặng Cờ thi đua của Chính phủ, số lượng lãnh đạo được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tối đa không quá 70% tổng số lãnh đạo của đơn vị.

- Đơn vị được tặng Cờ thi đua của Bộ, số lượng lãnh đạo được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” nhưng tối đa không quá 50% số lãnh đạo của đơn vị.

- Đơn vị được tặng Bằng khen Bộ thì lựa chọn 1 đồng chí lãnh đạo tiêu biểu nhất để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Đơn vị không được khen thưởng trong tổng kết thi đua năm thì lãnh đạo đơn vị không được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

c) Đối với lãnh đạo đơn vị cơ sở và đơn vị trực thuộc cơ sở:

- Đơn vị được tặng Cờ thi đua của Bộ thì số lượng lãnh đạo được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tối đa không quá 70% số lãnh đạo của đơn vị.

- Đơn vị được tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” thì số lượng lãnh đạo được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tối đa không quá 50% số lãnh đạo của đơn vị.

- Đơn vị được tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” thì lựa chọn 1 đồng chí lãnh đạo tiêu biểu nhất để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Đơn vị không được khen thưởng trong tổng kết thi đua năm thì lãnh đạo đơn vị không được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể

a) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng cho đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao, tổ chức phong trào thi đua có nề nếp, hiệu quả, thiết thực;

- Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh;

- Tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; các đoàn thể quần chúng đạt tiêu chuẩn thi đua do đoàn thể đó quy định;

- Có ít nhất 50% cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; không có cán bộ, chiến sĩ sai phạm kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

- Đối với những đơn vị cơ sở có quy mô lớn (có đảng bộ và các chi bộ trực thuộc), có nhiều chiến sĩ nghĩa vụ, tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật hình thức Khiển trách, Cảnh cáo không quá 2% quân số đơn vị thì được đưa vào diện xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến”;

- Số lượng đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến” của đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở không quá 80% tổng số đầu mỗi thi đua cơ sở, trực thuộc cơ sở của đơn vị cấp Cục, Công an địa phương;

- Được từ 80% trở lên số phiếu của Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp có thẩm quyền xét duyệt, nhất trí đề nghị.

b) Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng cho đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là đơn vị tiêu biểu được lựa chọn trong số những “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến”;

- Trong công tác, chiến đấu thể hiện tinh thần sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (căn cứ vào chỉ tiêu, kế hoạch và mục tiêu đã đề ra). Có phong trào thi đua thiết thực, được đơn vị bạn suy tôn học tập, được cấp trên biểu dương khen thưởng;

- Gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tập thể đoàn kết, trong sạch vững mạnh;

- Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ; có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Số lượng đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc” của đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở không quá 40% tổng số đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” của đơn vị cấp Cục, Công an địa phương;

- Được từ 80% trở lên số phiếu của Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp có thẩm quyền xét duyệt, nhất trí đề nghị.

- Đối với những đơn vị cơ sở có quy mô lớn (có Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc), có nhiều chiến sĩ nghĩa vụ, nếu có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật hình thức Khiển trách, Cảnh cáo không quá 2% quân số đơn vị thì được đưa vào diện xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”, nhưng không được xét tặng Cờ thi đua của Bộ;

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” để tặng cho đơn vị cấp Cục, Công an địa phương; tặng cho đơn vị cơ sở, cụ thể như sau:

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” tặng cho đơn vị cấp Cục, Công an địa phương đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

+ Có thành tích xuất sắc nổi trội trong phong trào thi đua của cụm, khối thi đua;

+ Xây dựng được nhân tố mới, mô hình mới, điển hình tiên tiến tiêu biểu cho các đơn vị trong cụm, khối thi đua học tập;

+ Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động. Nội bộ đoàn kết, thống nhất, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, đảng bộ và các tổ chức quần chúng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Không có cán bộ vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của ngành gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công an nhân dân; không có cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên bị kỷ luật từ hình thức Cảnh cáo trở lên;

+ Được Hội đồng thi đua khen thưởng Tổng cục (đối với các đơn vị trực thuộc Tổng cục) và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét duyệt, nhất trí đề nghị với số phiếu bầu từ 80% trở lên.

- Số lượng Cờ thi đua của Bộ đề tặng đối với đơn vị cấp Cục, Công an địa phương trong tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm quy định cụ thể như sau:

+ Mỗi cụm thi đua của Công an địa phương được xét tặng không quá 70% đầu mỗi thi đua.

+ Mỗi cụm thi đua của các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ được xét tặng không quá 60% đầu mỗi thi đua.

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” đề tặng cho đơn vị cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Là đơn vị tiêu biểu trong số những đơn vị cơ sở đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”;

+ Dẫn đầu về năng suất, chất lượng và vượt các chỉ tiêu công tác đã đăng ký thi đua trong năm;

+ Nội bộ đoàn kết, thống nhất, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng và các tổ chức quần chúng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, không có cán bộ sai phạm phải xử lý kỷ luật;

+ Thực hiện tốt các phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng;

+ Được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp đề nghị với số phiếu từ 80% trở lên.

- Số lượng Cờ thi đua của Bộ tặng cho các đơn vị cơ sở trong tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm:

+ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chia thành 4 khối: khối các phòng thuộc lực lượng An ninh; khối các phòng thuộc lực lượng Cảnh sát; khối các phòng thuộc lực lượng tham mưu, xây dựng lực lượng, hậu cần, kỹ thuật và khối Công an các quận, huyện, thị xã; mỗi khối được xét tặng 1 Cờ, nếu khối nào có từ 14 đầu mỗi trở lên thì được xét tặng thêm 1 Cờ.

+ Các Sở Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy thống nhất với Tổng cục III khi chia cụm thi đua các đơn vị cơ sở; mỗi cụm thi đua được xét tặng 1 Cờ, nếu có trên 10 đầu mỗi thi đua được xét tặng thêm 1 Cờ.

+ Đối với đơn vị cấp Cục và tương đương: mỗi đơn vị được xét tặng 1 Cờ, nếu đơn vị có trên 10 đầu mối thi đua được xét tặng thêm 1 Cờ.

+ Các đơn vị cấp phòng và tương đương trực thuộc Tổng cục được xét cùng khối Văn phòng hoặc Cục Chính trị của Tổng cục. Các Tổng cục có từ 5 đơn vị tương đương cấp phòng trực thuộc Tổng cục trở lên được xét tặng 1 Cờ.

+ Các doanh nghiệp Công an nhân dân thuộc Tổng cục IV quản lý được xét tặng 1 Cờ.

+ Khối trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng trực thuộc Tổng cục VIII có 7 cụm thi đua, được xét tặng 7 Cờ.

d) Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Công an để xét tặng cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua “Học tập và thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân” (có quy định riêng).

đ) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho đơn vị cấp Cục, Công an địa phương trong tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Là đơn vị tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số các đơn vị được tặng “Cờ thi đua của Bộ”;

+ Dẫn đầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên tất cả các mặt công tác, chiến đấu, xây dựng lực lượng;

+ Hoàn thành xuất sắc, vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; lập thành tích xuất sắc nổi bật nhất trong cụm, khối thi đua, là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc của lực lượng Công an nhân dân;

+ Xây dựng được nhiều nhân tố mới, mô hình mới, điển hình tiên tiến tiêu biểu cho toàn lực lượng Công an nhân dân học tập;

+ Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động. Nội bộ đoàn kết, thống nhất, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng. Đảng bộ và các tổ chức quần chúng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; không có cán bộ vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của Ngành gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công an nhân dân hoặc có cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên bị kỷ luật từ hình thức Khiển trách trở lên;

+ Được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Tổng cục (đối với các đơn vị trực thuộc Tổng cục) và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ nhất trí đề nghị với số phiếu từ 80% trở lên.

- Số lượng Cờ thi đua của Chính phủ:

Hàng năm, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các đơn vị cấp Cục, Công an địa phương,

không quá 20% tổng số đơn vị cấp Cục, Công an địa phương được xét tặng “Cờ thi đua của Bộ” trong tổng kết phong trào thi đua vì an ninh Tổ quốc.

Điều 11. Cụm thi đua

1. Công an các địa phương, chia thành 11 Cụm thi đua:

- a) Cụm 1 gồm Công an 2 thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.
- b) Cụm 2 gồm Công an 3 thành phố: Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.
- c) Cụm 3 gồm Công an 7 tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên.
- d) Cụm 4 gồm Công an 8 tỉnh: Thái Nguyên, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Hòa Bình, Bắc Giang, Phú Thọ, Quảng Ninh.
- đ) Cụm 5 gồm Công an 8 tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình.
- e) Cụm 6 gồm Công an 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.
- g) Cụm 7 gồm Công an 6 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước.
- h) Cụm 8 gồm Công an 7 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.
- i) Cụm 9 gồm Công an 8 tỉnh: Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp.
- k) Cụm 10 gồm Công an 8 tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Hậu Giang.
- l) Cụm 11 gồm 8 Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy: Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Bình Dương.

2. Các đơn vị cấp Cục ở Bộ, chia thành 13 cụm thi đua:

- a) Tổng cục An ninh I (Tổng cục I) có 13 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua.
- b) Tổng cục An ninh II (Tổng cục II) có 14 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua.
- c) Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND (Tổng cục III) có 10 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua.
- d) Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (Tổng cục IV) có 20 đơn vị cấp Cục, chia thành 2 Cụm thi đua.
 - Cụm 1 gồm 11 đơn vị có chức năng tham mưu, quản lý Nhà nước về công tác Hậu cần - Kỹ thuật trong Công an nhân dân: Văn phòng Tổng cục; Cục Quản lý trang

bị kỹ thuật và trang cấp; Cục Quản lý xây dựng cơ bản và doanh trại; Cục Y tế; Cục Kho vận; Cục Kế hoạch và đầu tư; Cục Quản trị; Cục Quản lý khoa học công nghệ và môi trường; Cục Thông tin liên lạc; Cục Cơ yếu, Cục Tin học nghiệp vụ.

- Cụm 2 gồm 10 đơn vị sự nghiệp, nghiên cứu khoa học, y tế trong Công an nhân dân: Viện Kỹ thuật điện tử và cơ khí nghiệp vụ; Viện Kỹ thuật hóa sinh và tài liệu nghiệp vụ; Tổng công ty Viễn thông toàn cầu; Bệnh viện 19-8; Bệnh viện 30-4; Bệnh viện 199; Bệnh viện Y học cổ truyền; Ban Quản lý dự án DA 239/05; Ban Quản lý dự án DA 909, Ban 126.

đ) Tổng cục Tình báo (Tổng cục V) có 14 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua (gồm cả Học viện B43).

e) Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm (Tổng cục VI) có 15 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua.

g) Tổng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội (Tổng cục VII) có 8 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua.

h) Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp (Tổng cục VIII) có 6 đơn vị cấp Cục: 1 Cụm thi đua.

i) Khối các đơn vị trực thuộc Bộ có 10 đơn vị, chia thành 2 cụm thi đua.

- Cụm 1 gồm 2 đơn vị: Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động; Bộ Tư lệnh Cảnh vệ;

- Cụm 2 gồm 8 đơn vị: Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; Vụ Pháp chế; Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Tài chính; Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Cơ quan ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương; Viện Chiến lược và Khoa học Công an.

k) Các trường Công an nhân dân, chia thành 2 cụm thi đua:

- Cụm 1: Khối các Học viện và trường Đại học (không tính Học viện B43);

- Cụm 2: Khối các trường Trung cấp, văn hóa và bồi dưỡng.

3. Tổ chức hoạt động của Cụm thi đua:

a) Các cụm thi đua phân công luân phiên mỗi năm một đơn vị làm cụm trưởng để điều hành hoạt động của cụm (cụm thi đua trực thuộc Tổng cục nào do Tổng cục đó chỉ đạo).

b) Họp cụm đầu năm ký kết giao ước thi đua.

c) Tổ chức kiểm tra chéo các đơn vị trong cụm thi đua.

d) Phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến trong cụm thi đua.

đ) Họp cụm cuối năm (tháng 10) tổng kết trao đổi kinh nghiệm, đề xuất khen thưởng các đơn vị trong cụm thi đua.

4. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi hoạt động của các cụm thi đua để giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ chỉ đạo và xét duyệt thi đua hàng năm.

Mục II

ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 12. Đối tượng khen thưởng

1. Các Tổng cục.
2. Các đối tượng quy định tại Điều 8 Thông tư này.
3. Các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức quần chúng: thanh niên, phụ nữ, công đoàn, các hội nghề nghiệp khác trong Công an nhân dân.

Điều 13. Tiêu chuẩn khen thưởng

1. Các loại Huân chương
 - a) Huân chương Sao vàng: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân; tặng cho tập thể cấp Tổng cục trở lên hoặc các tập thể có chức năng, nhiệm vụ đặc biệt trên lĩnh vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 20 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
 - b) Huân chương Hồ Chí Minh: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân; tặng cho đơn vị cấp Tổng cục trở lên hoặc các tập thể có chức năng, nhiệm vụ đặc biệt trên lĩnh vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
 - c) Huân chương Độc lập: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể từ đơn vị cơ sở trở lên lập được thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 22, 23, 24 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
 - d) Huân chương Quân công: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng Công an nhân dân và tặng cho tập thể từ đơn vị cơ sở trở lên lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện xây dựng lực lượng, giữ vững an ninh, trật tự đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 25, 26, 27 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
 - đ) Huân chương Bảo vệ Tổ quốc: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể có thành tích trong huấn luyện, xây dựng lực lượng Công an nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 31, 32, 33 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
 - e) Huân chương Chiến công: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất trong chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh, trật tự, đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 34, 35, 36 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

g) Huân chương Lao động: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, hoạt động văn hoá - xã hội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 28, 29, 30 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

h) Huân chương Dũng cảm: để tặng, truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm trong cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân... đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các loại Huy chương

a) Huy chương Vì an ninh Tổ quốc: để tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân Công an phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 40 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính Phủ.

b) Huy chương Chiến sĩ vẻ vang: để tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân Công an phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 40 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các danh hiệu vinh dự Nhà nước

a) Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động: để tặng, truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc, nổi bật sự tích Anh hùng (kể cả trường hợp lập thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc), đảm bảo điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại các Điều 43, 44 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú: để tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 45 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ, do Hội đồng chuyên ngành cấp cơ sở của Công an các đơn vị, địa phương quản lý đối tượng đề nghị khen thưởng trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xét duyệt.

c) Các đơn vị chức năng theo dõi chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đối với danh hiệu Nhà giáo), Y tế (đối với danh hiệu Thầy thuốc), Văn hóa thông tin (đối với danh hiệu Nghệ sĩ) chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Bộ tổng hợp để báo cáo Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xét duyệt, trình Hội đồng cấp Nhà nước duyệt, quyết định.

4. Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước

a) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước để tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, văn học, nghệ thuật của lực lượng Công an nhân dân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 46, 47 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Cơ quan chức năng giúp Hội đồng cấp Bộ về các lĩnh vực trên chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Bộ, tổng hợp để báo cáo Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xét duyệt, trình Hội đồng cấp Nhà nước duyệt, quyết định.

5. Bằng khen, Giấy khen

a) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- Tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Đã được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bằng khen của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; có 5 năm liên tục trước thời điểm đề nghị đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

+ Lập được thành tích đột xuất trong công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

- Tặng cho các tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Đã được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bằng khen của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; có 3 năm liên tục trở lên trước thời điểm đề nghị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”;

+ Lập thành tích đột xuất trong công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

b) Bằng khen của Bộ Công an

- Tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có ít nhất 2 lần liên tục trước thời điểm đề nghị đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

+ Lập được thành tích đột xuất trong công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ an ninh trật tự hoặc được bình chọn trong các đợt thi đua, khi sơ kết, tổng kết thực hiện các chuyên đề do Bộ Công an phát động.

- Tặng cho các tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có ít nhất 2 lần liên tục trước thời điểm đề nghị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”;

+ Lập được thành tích đột xuất trong công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ an ninh, trật tự hoặc được bình chọn trong các đợt thi đua; khi sơ kết, tổng kết thực hiện các chuyên đề do Bộ Công an phát động.

- Tặng Bằng khen cho đơn vị cấp Cục, Công an địa phương trong tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác được giao;

+ Thường xuyên đẩy mạnh các phong trào thi đua, có nhiều điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, có nhiều hình thức, biện pháp sáng tạo để đẩy mạnh phong trào thi đua;

+ Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động;

+ Không có cán bộ vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của Ngành gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng Công an nhân dân;

+ Phải được trên 80% số phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng cục (đối với các đơn vị thuộc Tổng cục) và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ nhất trí đề nghị.

c) Giấy khen

Giấy khen của Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị cấp Cục, Công an địa phương để tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thường xuyên (hàng năm), trong các đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoàn thành xuất sắc một hạng mục công trình hoặc thành tích đột xuất trong công tác, chiến đấu, học tập.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI CÔNG AN XÃ, BẢO VỆ DÂN PHỐ VÀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Mục I

ĐỐI TƯỢNG, DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 14. Đối tượng thi đua

1. Đối với cá nhân:

a) Trưởng Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính quy) (sau đây gọi chung là Công an xã), Phó trưởng Công an xã, Công an viên ở xã, được hưởng lương, phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Pháp lệnh Công an xã.

b) Trưởng ban Bảo vệ dân phố, Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố, Tổ trưởng, Tổ phó, tổ viên Bảo vệ dân phố được hưởng lương, phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố.

2. Đối với tập thể:

a) Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí lực lượng Công an chính quy) (sau đây gọi chung là Công an xã).

b) Ban bảo vệ dân phố.

c) Tập thể nhân dân, cán bộ xã, phường, thị trấn; tập thể cán bộ, công nhân viên cơ quan, doanh nghiệp cấp cơ sở (có tư cách pháp nhân) thuộc mọi thành phần kinh tế.

Điều 15. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân

a) Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Đối với tập thể

a) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” (xét tặng trong tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc).

Điều 16. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

a) Danh hiệu thi đua “Chiến sĩ tiên tiến” để xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Nắm được chuyên môn, nghiệp vụ theo chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác và yêu cầu của đơn vị;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ nghiêm kỷ luật, chấp hành tốt các quy trình và chế độ công tác, có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân và Công an các cấp phát động;

- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh;

- Phải được từ 80% trở lên số phiếu bầu ở đơn vị cơ sở;

- Đối với Trưởng Công an xã, Trưởng ban Bảo vệ dân phố thì đơn vị đồng chí phụ trách trong năm phải đạt tiêu chuẩn danh hiệu thi đua từ “Đơn vị tiên tiến” trở lên.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là “Chiến sĩ tiên tiến”;

- Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để tăng hiệu quả công tác, hoặc mưu trí, sáng tạo, dũng cảm trong công tác, huấn luyện, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tích cực vận động quần chúng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Phải được từ 80% trở lên số phiếu bầu ở đơn vị cơ sở;

- Đối với Trưởng Công an xã, Trưởng ban Bảo vệ dân phố, thì đơn vị đồng chí phụ trách trong năm phải đạt tiêu chuẩn danh hiệu thi đua từ “Đơn vị quyết thắng” trở lên.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; thành tích có ảnh hưởng trong phạm vi cấp tỉnh.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, thành tích có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc. Tiêu chuẩn thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” để tặng cho Công an xã, Ban bảo vệ dân phố đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao, tổ chức phong trào thi đua nề nếp, hiệu quả thiết thực;

- Tham mưu, tổ chức thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở đạt hiệu quả cao;

- Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh;

- Tổ chức Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; các đoàn thể quần chúng đạt tiêu chuẩn thi đua do đoàn thể đó quy định;

- Có ít nhất 50% cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; không có cán bộ, chiến sĩ sai phạm kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

b) Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” để xét tặng cho Công an xã, Ban bảo vệ dân phố đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là đơn vị tiêu biểu được lựa chọn trong số những “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến”;

- Trong công tác, chiến đấu thể hiện tinh thần sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (căn cứ vào chỉ tiêu, kế hoạch và mục tiêu đã đề ra). Có phong trào thi đua thiết thực, được đơn vị bạn suy tôn học tập, được cấp trên biểu dương khen thưởng;

- Gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tập thể đoàn kết, trong sạch vững mạnh;

- Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ; có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”; có cán bộ, chiến sĩ đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Tỷ lệ danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” tặng cho đơn vị Công an xã, Ban bảo vệ dân phố không quá 40% tổng số đơn vị được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” của địa phương.

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” để xét tặng cho tập thể nhân dân, cán bộ xã, phường, thị trấn và tập thể cán bộ, công nhân viên cơ quan, doanh nghiệp cấp cơ sở (có tư cách pháp nhân) thuộc mọi thành phần kinh tế, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc các khối xã, phường, thị trấn và cơ quan doanh nghiệp thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khối cơ quan Trung ương;

- Hoàn thành vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu thi đua, các chương trình, kế hoạch công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự; có nhân tố mới, mô hình mới về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để các

đơn vị khác học tập; có lực lượng nòng cốt làm công tác an ninh, trật tự vững mạnh đạt danh hiệu thi đua “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”;

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp; hoàn thành các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, hiệu suất công tác cao;

- Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch vững mạnh, nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

- Số lượng Cờ thi đua của Bộ Công an: hàng năm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đề nghị Bộ Công an tặng tối đa 3 Cờ cho 1 xã, 1 phường, 1 cơ quan hoặc doanh nghiệp. Khối cơ quan, doanh nghiệp Trung ương được đề nghị tặng tối đa 3 Cờ cho 3 đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua.

Mục II

ĐỐI TƯỢNG, DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Đối tượng khen thưởng

1. Gồm các đối tượng quy định tại Điều 14 Thông tư này và các tập thể, cá nhân không thuộc lực lượng Công an nhân dân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thành tích trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự.

Điều 18. Tiêu chuẩn khen thưởng

1. Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Huân chương Quân công: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân Công an xã đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 25, 26, 27 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

3. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 31, 32, 33 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

4. Huân chương Chiến công: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể lập được thành tích trong chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh, trật tự, đạt các tiêu chuẩn tại Điều 34, 35, 36 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

5. Huân chương Dũng cảm: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

6. Huân chương Hữu nghị: để tặng, truy tặng cho cá nhân là người nước ngoài và tặng cho các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có đóng góp to lớn trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Huy chương Hữu nghị: để tặng cho cá nhân người nước ngoài có nhiều đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 41 Nghị định 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

8. Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”: để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể lập được thành tích trong chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh, trật tự, đạt các tiêu chuẩn tại Điều 43 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

9. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: để tặng cho cá nhân và tập thể lập được thành tích trong chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh, trật tự, đạt các tiêu chuẩn tại Điều 49 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

10. Kỷ niệm chương "Bảo vệ an ninh Tổ quốc" của Bộ Công an: để tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Quyết định số 838/2006/QĐ-BCA(X15) và Quyết định số 839/2006/QĐ-BCA(X15) ngày 13/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Công an.

11. Bằng khen của Bộ Công an

a) Xét tặng cho các tập thể (các đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Thông tư này) trong tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hàng năm

- Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen:

+ Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu thi đua, các chương trình, kế hoạch công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự; có mô hình, điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có lực lượng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự vững mạnh (đạt danh hiệu thi đua từ “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên); là tập thể tiêu biểu của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc khối cơ quan, doanh nghiệp Trung ương về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

+ Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp; hoàn thành các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, hiệu suất công tác cao;

+ Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch vững mạnh, nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, chống buôn lậu và các tệ nạn xã hội có hiệu quả thiết thực.

- Số lượng Bằng khen của Bộ:

+ Đối với các tỉnh, số lượng Bằng khen tối đa không quá tổng số đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương, số lượng Bằng khen không quá 120% tổng số đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Đối với khối cơ quan, doanh nghiệp Trung ương do các Tổng cục An ninh phụ trách, số lượng Bằng khen tối đa không quá tổng số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Xét tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân trong sơ kết, tổng kết các chuyên đề, các đợt thi đua, hoặc có thành tích đột xuất trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự:

- Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen đối với tập thể:

+ Có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chuyên đề công tác, các đợt thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoặc có thành tích xuất sắc đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự có tác dụng nêu gương sáng trong phạm vi cấp tỉnh;

+ Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua;

+ Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;

+ Tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

- Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen đối với cá nhân:

+ Có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chuyên đề công tác, các đợt thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, hoặc có thành tích xuất sắc đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, có tác dụng nêu gương sáng trong phạm vi cấp tỉnh;

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Số lượng Bằng khen đối với mỗi đợt sơ kết, tổng kết chuyên đề, đợt thi đua do lãnh đạo Bộ Công an quyết định.

11. Giấy khen

Giấy khen của Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị cấp Cục và Công an địa phương tặng cho tập thể, cá nhân trong tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hàng năm; trong sơ kết, tổng kết thực hiện các chuyên đề, hoặc có thành tích đột xuất trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

- Cá nhân được xét tặng Giấy khen đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

+ Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, trong thực hiện chuyên đề công tác, các đợt thi đua hoặc lập được thành tích đột xuất (đối với cán bộ, nhân viên Công an xã, Bảo vệ dân phố); tích cực tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoặc có thành tích đột xuất trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự (đối với mọi tầng lớp nhân dân);

+ Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (đối với cán bộ, nhân viên Công an xã, Bảo vệ dân phố).

- Tập thể được xét tặng giấy khen đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, trong thực hiện chuyên đề công tác, các đợt thi đua hoặc lập được thành tích đột xuất (đối với tập thể cán bộ, nhân viên Công an xã, Bảo vệ dân phố); tích cực tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoặc có thành tích đột xuất trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự;

+ Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua;

+ Thực hành tiết kiệm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

- Số lượng giấy khen tổng kết năm, số lượng, đối tượng khen theo chuyên đề do cấp có thẩm quyền tặng giấy khen quy định.

Chương III

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

Mục I

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 19. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Công an

Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ được thành lập theo Quyết định số 1286/2007/QĐ/KT-BCA (X15) và hoạt động theo Quy chế làm việc của Hội đồng Thi

đua, Khen thưởng Bộ Công an (ban hành kèm theo Quyết định số 1285/2007/QĐ/KT-BCA (X15) ngày 29/10/2007 của Bộ Công an).

Điều 20. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Tổng cục

1. Chủ tịch Hội đồng: Tổng cục trưởng.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó tổng cục trưởng phụ trách công tác xây dựng lực lượng.
3. Ủy viên: các Phó Tổng cục trưởng.
4. Ủy viên thường trực: Cục trưởng Cục Chính trị (Cục Chính trị, hậu cần; Cục Tham mưu, chính trị), hoặc Chánh Văn phòng Tổng cục.
5. Cơ quan Thường trực: Cục Chính trị hoặc Văn phòng Tổng cục.
6. Cơ quan tư vấn: các Vụ, Cục trực thuộc tổng cục.

Điều 21. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Vụ, Cục, Viện, Học viện, Trường Công an nhân dân và đơn vị tương đương

1. Chủ tịch Hội đồng: thủ trưởng đơn vị.
2. Phó chủ tịch Hội đồng: Phó thủ trưởng đơn vị phụ trách công tác xây dựng lực lượng.
3. Ủy viên: các Phó thủ trưởng đơn vị.
4. Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Tổng hợp (hoặc Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Xây dựng lực lượng, ...).
5. Cơ quan Thường trực: Phòng Tổng hợp (hoặc Phòng Hành chính Tổng hợp, Xây dựng lực lượng ...).
6. Cơ quan tư vấn: các khoa, phòng, ban, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn trực thuộc (nếu có).

Điều 22. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Công an địa phương

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:
 - a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc.
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó giám đốc phụ trách công tác xây dựng lực lượng.
 - c) Ủy viên: các Phó giám đốc.
 - d) Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng PX15.
 - đ) Cơ quan thường trực: Phòng PX15.
 - e) Cơ quan tư vấn: các đơn vị PX13, PX15, PV28, PV11, PV24, PH41.
2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:
 - a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc.

b) Phó chủ tịch Hội đồng: Phó giám đốc phụ trách công tác xây dựng lực lượng.

c) Ủy viên: các Phó giám đốc.

d) Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng Công tác chính trị và công tác quần chúng (hoặc Phòng Chính trị).

đ) Cơ quan thường trực: Phòng Công tác chính trị và công tác quần chúng (hoặc Phòng Chính trị).

e) Cơ quan tư vấn gồm có: Phòng Tham mưu, Phòng Công tác chính trị và công tác quần chúng (hoặc Phòng Chính trị), Phòng Tổ chức (nếu có), Phòng Hậu cần kỹ thuật, thanh tra; Phòng Hướng dẫn, chỉ đạo công tác phòng cháy; Phòng Hướng dẫn, chỉ đạo công tác chữa cháy.

Hội đồng Thi đua, khen thưởng các đơn vị xây dựng quy chế hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số.

Mục II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định khen thưởng đối với lực lượng Công an nhân dân

1. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, trao tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Nhà nước, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thẩm quyền xét duyệt, đề nghị Nhà nước khen thưởng và quyết định các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng từ Bằng khen của Bộ trở lên thực hiện theo Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công an.

3. Thủ trưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an địa phương quyết định tặng các danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” và “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

4. Thủ trưởng các tổng cục quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” cho các tập thể, cá nhân là đơn vị cấp phòng và tương đương trực thuộc Tổng cục.

5. Thủ trưởng các đơn vị cấp Cục, Công an địa phương quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

6. Thủ trưởng các đơn vị cấp Tổng cục, cấp Cục, Công an địa phương quyết định tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi, trách nhiệm của mình.

Điều 24. Thẩm quyền quyết định khen thưởng đối với Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét đề nghị của Trưởng Công an xã, Trưởng ban Bảo vệ dân phố để trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể Công an xã, Bảo vệ dân phố theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét quyết định hoặc đề nghị Chính phủ công nhận danh hiệu thi đua theo thẩm quyền cho cá nhân, tập thể Công an xã, Bảo vệ dân phố đủ tiêu chuẩn theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Đơn vị quyết thắng” và trình Chính phủ xét quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” cho cá nhân, tập thể Công an xã, Bảo vệ dân phố đủ tiêu chuẩn theo quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua xuất sắc”, Kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” và Bằng khen của Bộ Công an.

5. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, trao tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Nhà nước, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục III

TUYÊN TRÌNH, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 25. Tuyên trình

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể).

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng. Sử dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua để tặng cho các tập thể, cá nhân lập thành tích; trường hợp thành tích tiêu biểu, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn lực lượng, toàn quốc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Công an các đơn vị, địa phương đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Bộ Công an, các bộ, ngành, của Chính phủ, của Nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc Công an nhân dân phải báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) để lãnh đạo Bộ Công an duyệt, quyết định.

Các đơn vị thuộc Cơ quan Bộ (kể cả đóng tại địa phương) không phải làm thủ tục hiệp ý nhưng phải thể hiện trong báo cáo thành tích các nội dung sau: việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; nội bộ đoàn kết, thống nhất; đảm bảo môi trường cơ quan, đơn vị văn hóa.

4. Xét khen thưởng đối ngoại: Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo lãnh đạo Bộ về chủ trương khen thưởng, sau khi lãnh đạo Bộ đồng ý về chủ trương, Vụ Hợp tác quốc tế có văn bản trình lãnh đạo Bộ ký đề trao đổi với Bộ Ngoại giao, sau đó phối hợp với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân làm thủ tục đề nghị khen thưởng. Công an các đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng đối ngoại báo cáo về Bộ (qua Vụ Hợp tác quốc tế) để phối hợp với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, trình lãnh đạo Bộ duyệt, quyết định.

5. Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng, trừ các trường hợp lập được thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc. Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương có quy định tiêu chuẩn “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thì sau 2 năm được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” mới đề nghị xét tặng Huân chương.

Điều 26. Hồ sơ, thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” xét tặng vào dịp tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm, riêng khối trường Công an nhân dân xét vào dịp tổng kết năm học.

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ, Công an địa phương đề nghị Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân). Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét duyệt, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (3 bản);
- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình Bộ trưởng (3 bản);
- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (3 bản);
- Tóm tắt thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị cấp đề nghị thực hiện (3 bản).

2. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công an” xét vào dịp tổng kết phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” hàng năm, riêng khối trường Công an nhân dân xét vào dịp tổng kết năm học.

a) Tặng cho đơn vị cấp Cục và Công an địa phương

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương đề nghị Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân). Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét duyệt, trình Bộ trưởng quyết định.

b) Tặng cho đơn vị cấp cơ sở.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương đề nghị Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) xét

duyệt, trình Bộ trưởng quyết định.

c) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (2 bản);
- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình Bộ trưởng (2 bản);
- Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp quản lý trực tiếp (2 bản);
- Tóm tắt thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị cấp đề nghị thực hiện (2 bản).

3. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an các địa phương đề nghị Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét duyệt, Bộ trưởng quyết định trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của cấp trình Bộ trưởng, kèm theo danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị khen thưởng (3 bản);
- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình Bộ trưởng (3 bản);
- Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (3 bản);
- Tóm tắt thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị cấp đề nghị thực hiện (3 bản).
- Báo cáo tóm tắt về nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực, được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ xác nhận (3 bản).

4. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân”

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an các địa phương đề nghị Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét duyệt, trình Bộ trưởng quyết định.

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của cấp trình Bộ trưởng, kèm theo danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị khen thưởng (2 bản);
- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình Bộ trưởng (2 bản);
- Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (2 bản);

- Tóm tắt thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị cấp đề nghị thực hiện (2 bản);

- Bản photo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã được tặng.

5. Đối với các danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc “Tập thể lao động xuất sắc”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Đơn vị tiên tiến” hoặc “Tập thể lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”.

a) Các đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở đề nghị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp có thẩm quyền xem xét duyệt, quyết định.

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình, kèm theo danh sách trích ngang các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

- Biên bản, kết quả bỏ phiếu của cấp trình khen thưởng;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

6. Đối với Huân chương các loại

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương trình Bộ trưởng (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân).

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (4 bản);

- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (4 bản);

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (4 bản);

- Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị Công an đơn vị, địa phương thực hiện (4 bản).

- Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị hoặc cho thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của Cơ quan Tài chính về những nội dung sau:

+ Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

+ Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

+ Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác và nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

7. Đối với “Huân chương Hữu nghị”, “Huy chương Hữu nghị”

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương trình Bộ trưởng (qua V12 và Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân).

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của cấp trình Bộ trưởng;
- Báo cáo thành tích, kèm theo danh sách trích ngang của các cá nhân được đề nghị khen thưởng.

8. Đối với “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc” và “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”

a) Hàng năm các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương trình Bộ trưởng vào dịp 3/2 và 19/8.

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của cấp trình Bộ trưởng;
- Kèm theo danh sách trích ngang của các cá nhân được đề nghị khen thưởng (2 bản).

9. Đối với danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương trình Bộ trưởng (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân). Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân tập hợp hồ sơ, xin chủ trương của lãnh đạo Bộ trước khi trình hồ sơ khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét duyệt, báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng, có ý kiến nhất trí của cấp uỷ đảng cùng cấp (5 bản);

- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình Bộ trưởng và phải đạt từ 90% số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng (5 bản);

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (nếu đề nghị truy tặng thì đơn vị quản lý trực tiếp viết báo cáo thành tích); đối với cá nhân phải có nhận xét của chính quyền thôn (hoặc tổ dân phố) nơi cư trú về bản thân và gia đình về việc chấp hành đường lối, chính sách ở địa phương và có xác nhận của cấp có thẩm quyền (5 bản);

- Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị Công an đơn vị, địa phương thực hiện (5 bản).

10. Đối với “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương trình Bộ trưởng (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân).

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (3 bản);

- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (3 bản);

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (3 bản);

- Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị cấp đề nghị thực hiện (3 bản);

- Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị hoặc cho thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của Cơ quan Tài chính về những nội dung sau:

+ Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

+ Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

+ Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác và nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

11. Bằng khen của Bộ Công an

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ và Công an địa phương trình Bộ trưởng (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân).

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (2 bản);

- Biên bản, kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng (2 bản);

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình Bộ trưởng (2 bản);

- Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng do Cơ quan Chính trị cấp đề nghị thực hiện (2 bản).

Điều 27. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản đối với những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ Công an và quân chúng nhân dân trong phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”, phong trào “Học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân”, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng, có phạm vi ảnh hưởng lớn thì đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình Bộ trưởng;
- Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 28. Khen thưởng trong trường hợp đặc biệt

Đối với các đơn vị làm công tác đặc biệt, các lĩnh vực công tác đặc biệt, các đối tượng đặc biệt cần đảm bảo bí mật (có quy định riêng).

Mục IV

TUYỂN TRÌNH, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN KHƯỞNG ĐỐI VỚI CÔNG AN XÃ, BẢO VỆ DÂN PHỐ VÀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Điều 29. Tuyển trình

1. Việc xét tặng các hình thức khen thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các hình thức khen thưởng khác đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các đợt sơ kết, tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo kế hoạch của Bộ Công an hoặc khi có thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc trong công tác an ninh, trật tự được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; hồ sơ đề nghị xét khen thưởng gửi về Bộ Công an (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Đề nghị các danh hiệu, hình thức khen thưởng của Bộ Công an:

Giám đốc Công an địa phương, Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh II, Cục trưởng Cục Phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc đề nghị Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Việc xét tặng các danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị quyết thắng” cho các cá nhân, tập thể Công an xã, Bảo vệ dân phố do Trưởng Công an xã, Trưởng ban Bảo vệ dân phố báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường xét, đề nghị chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh xem xét quyết định, hoặc đề nghị lên cấp trên xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 30. Hồ sơ và thủ tục

1. Hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua gồm có:

a) Bản báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể có xác nhận, chữ ký của Trưởng Công an xã, Trưởng ban bảo vệ dân phố và có xác nhận, chữ ký, đóng dấu của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường;

b) Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân;

- c) Tờ trình của Chủ tịch cấp đề nghị khen thưởng;
- d) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị các hình thức khen thưởng gồm có:

a) Bản báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể có xác nhận, chữ ký, đóng dấu của Trưởng Công an xã, Trưởng Ban Bảo vệ dân phố, thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, có xác nhận, chữ ký, đóng dấu của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thủ trưởng cơ quan;

b) Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân;

c) Tờ trình của cấp đề nghị khen thưởng;

d) Biên bản cuộc họp xét đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng. Riêng đối với danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” phải có thêm kết quả bỏ phiếu kín;

đ) Đối với hình thức khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên phải có xác nhận nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan quản lý thuế trực tiếp đối với đơn vị phải nộp thuế.

e) Hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” thực hiện theo Quyết định số 838/2006/QĐ-BCA(X15) ngày 13/7/2006 và Quyết định số 839/2006/QĐ-BCA(X15) ngày 13/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có:

a) Tờ trình của cấp đề nghị khen thưởng;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

4. Mốc tính thời gian khen thưởng tổng kết hàng năm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc từ 30/11 năm trước đến 30/11 năm sau.

Hồ sơ đề nghị Bộ Công an khen thưởng tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gửi về Bộ Công an trước ngày 20 tháng 12 hàng năm (qua Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Bộ Công an).

Chương IV

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC

Điều 31. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo các Điều 67, 68, 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để:

a) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, 20%;

b) Chi cho in giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen; làm kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung các loại: bằng khen, giấy khen...; Chi tiền thưởng, tặng phẩm lưu niệm, 80%.

Điều 32. Các quyền lợi khác

Cá nhân được tặng thưởng Huân chương; Danh hiệu vinh dự Nhà nước; “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” ngoài việc được khen thưởng theo quy định còn được ưu tiên hưởng các quyền lợi khác của Nhà nước và của Bộ Công an, như sau:

1. Các trường hợp sau đây được xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định thăng cấp bậc hàm, hoặc nâng bậc lương trước niên hạn:

a) Được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng; hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác, chiến đấu đã hy sinh anh dũng thì được đề nghị xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương vượt bậc.

b) Được tặng thưởng Huân chương Quân công; Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước thì được đề nghị xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương trước niên hạn 2 năm.

c) Được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; được tặng thưởng Huân chương Chiến công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng Công an nhân dân” thì được đề nghị xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương trước niên hạn 1 năm.

2. Trường hợp trong niên hạn được tặng nhiều danh hiệu, hình thức khen thưởng thì chỉ thực hiện một mức ưu tiên quy định cao nhất. Nếu năm được khen thưởng cũng là năm đến niên hạn thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương thì được xem xét vào niên hạn tiếp theo.

3. Ngoài hưởng quyền lợi trên, các cá nhân được khen thưởng còn được ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong nước hoặc nước ngoài, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ đang làm. Những trường hợp đã hết trần thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương thì được ưu tiên đi nghỉ dưỡng.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2011.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 19/2007/TT-BCA(X15) ngày 04/10/2007 hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong CAND; Thông tư số

18/2007/TT-BCA ngày 03/10/2007 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Thông tư số 20/2007/TT-BCA ngày 09/10/2007 hướng dẫn công tác quản lý tài chính thực hiện chế độ khen thưởng trong lực lượng CAND và bãi bỏ những quy định trước đây của Bộ Công an trái với Thông tư này.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cục Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ trích lập quỹ, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổng cục trưởng các tổng cục, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) để được hướng dẫn kịp thời. *ND*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Ban TĐKT Trung ương);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ (để thực hiện);
- CA các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (để thực hiện);
- Lưu: VT, V19, X11(X15).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lê Hồng Anh